

Bản án số: 56/2025/HC-PT

Ngày 17/01/2025.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán:

ông **Phạm Ngọc Thái**

ông **Đình Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà **Nguyễn Thị Hà**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 338/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 156/2024/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị Lưu**.

Cùng trú tại: **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông **Phạm Hữu H**.

Trú tại: **số E đường Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** (văn bản uỷ quyền ngày 11/3/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông **Lê Đình C**; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E (văn bản uỷ quyền số 22/GUQ-UBND ngày 16/4/2024). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông **Nguyễn Thụ K** - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E và bà **Nguyễn Thị L1** - Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện Ea Kar. Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Phạm Hữu H.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2024, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:*

Để thực hiện công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M**, Ủy ban nhân dân huyện **E** đã thu hồi của hộ ông **Triệu Phúc L**, bà **Hoàng Thị L2** 556,5m² đất thuộc thửa đất 01/90 tại **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Diện tích đất bị thu hồi nói trên có nguồn gốc do ông **Hoàng Ngọc S** khai hoang từ năm 1993 và canh tác, trồng hoa màu trên đất. Đến năm 2003, ông **S** sang nhượng lại cho ông **Dương Trung H1** (là bố của ông **Triệu Phúc L**). Cũng trong năm 2003, ông **H1** cho ông **L** diện tích đất trên để xây dựng nhà. Để thuận tiện cho việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này nên năm 2008, ông **S** trực tiếp làm giấy sang nhượng nhà vườn cho ông **L**.

Ngày 15/9/2023, Ủy ban nhân dân huyện **E** ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại dự án nêu trên. Theo đó, hộ ông **L** không được bồi thường mà được hỗ trợ 50% giá đất, hỗ trợ 50% đối với cây trồng hàng năm và hỗ trợ đối với tài sản, vật kiến trúc với tổng số tiền là 177.697.387đồng. Ông **L** và bà **Lưu K1** đồng ý với Quyết định bồi thường nói trên, bởi lẽ:

- Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông **L** có nguồn gốc là đất khai hoang từ năm 1993. Đến năm 2003 thì hộ ông **L** xây dựng nhà cửa, sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp với ai, cũng không bị cơ quan nào xử phạt hành chính nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ tái định cư.

- Việc Ủy ban nhân dân huyện **E** ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 chỉ hỗ trợ 50% giá đất, hỗ trợ 50% đối với cây trồng hàng năm và hỗ trợ 60% đối với tài sản, vật kiến trúc và về cây trồng gắn liền với đất cho hộ ông **L** là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **L**.

Do đó, ông **L** và bà **L2** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện **E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Triệu Phúc L**, bà **Hoàng Thị Lưu** .

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện **E** phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho hộ ông **L** theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và

cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ tái định cư cho ông **Triệu Phúc L**, bà **Hoàng Thị L2** theo quy định của pháp luật.

* *Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E là ông **Lê Đình C** trình bày:*

- Về gốc sử dụng đất: hộ ông **Triệu Phúc L** sử dụng 556,5m² đất thuộc phạm vi thu hồi. Tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 90 theo trích lục bản đồ địa chính số 2079/TL-CNEK-KTĐC do chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** cấp ngày 26/4/2023. Căn cứ Giấy xác nhận số 160/GXN-UBND ngày 01/06/2023 của **UBND xã C** xác nhận: hộ ông **Triệu Phúc L** lần chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của **UBND tỉnh Đ** về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất **Công ty L3 EaKar** giao cho **UBND huyện E** quản lý; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Về bồi thường về đất: căn cứ khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”. Căn cứ theo Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: 1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này; 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý; 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này; 4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.” 5. Đối với các thửa đất không sử dụng đất trên 12 tháng đối với cây hàng năm và 18 tháng đối với cây lâu năm thì không xem xét hỗ trợ về đất.”

Căn cứ Giấy xác nhận số 160/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của **UBND xã C** xác nhận: hộ ông **Triệu Phúc L** lần chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất

trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Công ty L3 EaKar giao cho UBND huyện E quản lý. Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích thuộc phạm vi thu hồi của hộ ông Triệu Phúc L không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Về hỗ trợ về đất: căn cứ khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ:

“ Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 của Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau: “a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ. e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất.” Căn cứ Giấy xác nhận số 160/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông Triệu Phúc L lần chiếm sử dụng đất từ năm 2005 nên được hỗ trợ theo điểm c khoản 2 Điều 20 về đất.

- Về hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc:

+ Về đơn giá tài sản, vật kiến trúc: căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Về mức hỗ trợ: căn cứ điểm a, điểm b, khoản 4 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ:

“a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

b) Nhà, công trình không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.”

- Về thời điểm tạo lập tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất: căn cứ vào kết quả xác định thời điểm của **UBND xã C**. Căn cứ thời điểm xác nhận thời điểm tạo lập tài sản của hộ ông **Triệu Phúc L** được tạo lập vào năm 2005. Xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, do đó được hỗ trợ 60% đối với nhà ở, tài sản vật kiến trúc gắn liền trên đất giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

- Về hỗ trợ khác về cây trồng: căn cứ khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**:

“ 5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có Thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau: a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. d) Thời điểm sử dụng đất

từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.”

Căn cứ Giấy xác nhận số 160/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông L lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2005 nên cây trồng được hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

Từ những căn cứ nêu trên và các quy định pháp luật khác có liên quan, việc UBND huyện EaKar ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1; Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 về việc thu hồi đất để thi công công trình Dự án đầu tư dự án thành phần C thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 trên địa bàn xã C đối với hộ ông Triệu Phúc L là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Do đó, hộ ông L đề nghị hủy một phần Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình Dự án đầu tư dự án thành phần C thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 và buộc UBND huyện E bồi thường cho gia đình ông Triệu Phúc L, bà Hoàng Thị L2 theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 156/2024/HC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Phúc L và bà Hoàng Thị L2 về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3

thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị L2**;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện **E** phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho hộ ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị L2** theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông **Triệu Phúc L**, bà **Hoàng Thị L2** theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2024, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Phạm Hữu H** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị L2**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Phạm Hữu H**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Phạm Hữu H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là ông **Lê Đình C**; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông **Nguyễn Thụ K**, bà **Nguyễn Thị L1** đều vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Phạm Hữu H** với nội dung: yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị L2**, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ông **Triệu Phúc L** cho rằng diện tích 556,5m² đất bị thu hồi thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 90 tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do ông **Hoàng Ngọc S** khai hoang năm 1993. Đến năm 2003, ông **S** chuyển nhượng lại cho cha của ông là ông **Dương Trung H1** và cũng trong năm 2003, ông **Dương Trung H1** tặng cho lại cho vợ chồng ông để làm nhà ở. Để thuận tiện cho việc làm Giấy chứng nhận, năm 2008, ông **S** viết giấy sang nhượng cho ông. Ông **Triệu Phúc L** còn xuất trình xác nhận của Công an xã C ngày 28/6/2024 để chứng minh ông sinh sống tại thôn F, xã C, E, Đắk Lắk từ năm 2003 đến nay (Đơn xin xác nhận này có sự sửa chữa chữ “năm 2003”). Tuy nhiên, căn cứ Kết

quả xác nhận số 160/GXN-UBND ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã C thể hiện: nguồn gốc sử dụng đất của ông Triệu Phúc L là lấn chiếm, sử dụng đất năm 2005, diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Lâm trường EaKar giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tại Biên bản về việc thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất lập ngày 16/02/2023, tại mục IV. Ý kiến của thành viên tham gia, ông Triệu Phúc L, bà Hoàng Thị L2 đã nêu: “Thửa đất trên được hộ gia đình mua lại của ông Hoàng Ngọc S vào năm 2005, tuy nhiên đến năm 2008 mới làm giấy tờ mua bán. Vào thời điểm mua đất năm 2005, hộ gia đình đã tạo lập tài sản trên đất”. Ông Triệu Phúc L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình ông Hoàng Ngọc S sử dụng đất từ năm 1993 và gia đình ông sử dụng đất từ năm 2003. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thời điểm hộ ông Triệu Phúc L bắt đầu sử dụng đất là năm 2005.

[2.2] Xét yêu cầu bồi thường về đất, Hội đồng xét xử thấy: tại Quyết định số 2107/QĐ/UB ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã quyết định thu hồi quyền sử dụng 2.672,3ha đất của Lâm trường Ea Kar và giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý. Đồng thời, file bản đồ lưu tại Ủy ban nhân dân xã C, nhóm đất tại thời điểm trước năm 2005 được xác định là đất đồi núi chưa sử dụng. Như vậy, diện tích 556,5m² đất mà hộ ông L bị thu hồi nằm trong diện tích 2.672,3ha đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý vào năm 2003, hộ ông L đã lấn chiếm năm 2005 và một phần diện tích nằm trong phạm vi quy hoạch hành lang đường giao thông nên hộ ông L không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013. Ủy ban nhân dân huyện E đã hỗ trợ cho hộ ông L 50% theo giá đất tại bảng giá đất là đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Mặt khác, diện tích đất thu hồi của hộ ông L là đất trồng cây lâu năm nên Ủy ban nhân dân huyện E áp dụng giá đất 24.000đồng/m², là đúng quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.3] Đối với yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất thì thấy rằng: thời điểm sử dụng đất và xây dựng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình ông Triệu Phúc L là năm 2005 và xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện E hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng bằng 60% giá trị bồi thường và hỗ trợ cây trồng bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành là đúng

quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20, điểm c khoản 5 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[2.4] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu hỗ trợ tái định cư, Hội đồng xét xử thấy: mặc dù hộ ông L không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư nhưng ngày 24/11/2023, Ủy ban nhân dân huyện E đã quan tâm, giao cho hộ ông L thửa đất tạm số 182, tờ bản đồ số 31, diện tích khoảng 254m² tại thôn Y, xã C, huyện E để sử dụng vào mục đích đất ở. Do đó, nội dung kháng cáo này của người đại diện theo uỷ quyền của ông L, bà Lưu K1 có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Ông Triệu Phúc L và bà Hoàng Thị Lưu K1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định về các nội dung này nhưng lại tuyên xử tại phần quyết định là sai sót. Ngoài ra, ông L, bà L2 yêu cầu hỗ trợ tái định cư, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bác yêu cầu này nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên nội dung này cũng là sai sót. Xét những sai sót này không vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 đối với hộ ông Triệu Phúc L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Phúc L, bà Hoàng Thị L2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Triệu Phúc L và bà Hoàng Thị L2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông L và bà L2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Phạm Hữu H** và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 156/2024/HC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị L2** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị L2**;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho hộ ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị L2** theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông **Triệu Phúc L**, bà **Hoàng Thị L2** theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông **Triệu Phúc L** và bà **Hoàng Thị Lưu** .

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* *Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Kim Liên

